

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 93/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 và Thông tư số 51/2022/TT-BTC ngày 11/08/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 93/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 và Thông tư số 51/2022/TT-BTC ngày 11/08/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều và danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 (Thông tư số 324/2016/TT-BTC) và Thông tư số 93/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 (Thông tư số 93/2019/TT-BTC) của Bộ trưởng Bộ Tài chính

1. Bổ sung điểm c khoản 3 Điều 2 Thông tư số 324/2016/TT-BTC như sau:

“c) Khi thực hiện mô hình chính quyền đô thị, các cơ quan, tổ chức sử dụng mã Chương đã được bố trí trên cơ sở hệ thống tổ chức của các cơ quan, tổ chức trực thuộc một cấp chính quyền.”

2. Bổ sung nội dung khoản 3 Điều 4 Thông tư số 324/2016/TT-BTC như sau:

“Trường hợp nội dung kinh tế khoản thu, chi ngân sách không được chi tiết theo Tiểu mục thì hạch toán vào Tiểu mục khác thuộc Mục tương ứng.”

3. Sửa đổi khoản 2 Điều 5 Thông tư số 324/2016/TT-BTC như sau:

“2. Mã số hóa nội dung phân loại

Chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia được mã số hóa theo 5 ký tự, được bố trí như sau: NX1X2X3X4.

Trong đó:

a) N là ký tự theo dõi chi tiết nguồn kinh phí của chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia. Cụ thể:

+ N = 1 phản ánh nguồn vốn ngân sách trung ương (bao gồm cả ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương).

+ N = 2 phản ánh nguồn vốn của ngân sách cấp tỉnh (bao gồm cả ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện).

+ N = 3 phản ánh nguồn vốn của ngân sách cấp huyện (bao gồm cả ngân sách huyện bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã).

+ N = 4 phản ánh nguồn vốn của ngân sách cấp xã.

b) X1X2X3X4 là ký tự theo dõi các Chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia và các tiểu chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia, cách thức bố trí như sau:

- Đối với các chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia do Trung ương quyết định: Sử dụng các mã số có giá trị từ 0001 đến 4999; khoảng cách giữa các chương trình, mục tiêu là 20 giá trị. Riêng Chương trình khoa học trọng điểm cấp Nhà nước (Mã số 0210) có 40 giá trị. Đối với 21 Chương trình mục tiêu ban hành theo Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28/8/2015; chương trình, mục tiêu xử lý chất độc da cam Dioxin; hoạt động bình đẳng giới và sự tiến bộ phụ nữ là 10 giá trị.

- Đối với các chương trình, mục tiêu do địa phương quyết định: Sử dụng các mã số có giá trị từ 5000 đến 9989; khoảng cách giữa các chương trình, mục tiêu là 10 giá trị. Đối với các địa phương có nhu cầu quản lý, hạch toán riêng các chương trình mục tiêu do địa phương quyết định ban hành: Sở Tài chính có văn bản đề xuất cụ thể (kèm theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành chương trình mục tiêu của địa phương) gửi Bộ Tài chính (Kho bạc nhà nước) để xác định mã số cụ thể và thông báo gửi địa phương thực hiện.”

Ví dụ: Dự án “Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, được bố trí các phần vốn cụ thể:

Đối với phần vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương: phản ánh bằng mã 10472.

Đối với phần vốn của ngân sách cấp tỉnh: phản ánh bằng mã 20472.

Đối với phần vốn của ngân sách cấp huyện: phản ánh bằng mã 30472.

Đối với phần vốn của ngân sách cấp xã: phản ánh bằng mã 40472.

4. Sửa đổi, bổ sung Mã Chương quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC như sau:

a) Sửa tên Chương 184 “Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam” thành “Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam”.

b) Bổ sung Chương 208 “Nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam”.

5. Sửa đổi, bổ sung mã Khoản quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC như sau:

a) Bổ sung Khoản 172 “Thông tin đối ngoại” thuộc Loại 160 “Văn hóa thông tin”.

b) Bổ sung Khoản 315 “Chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số” thuộc Loại 280 “Các hoạt động kinh tế” phản ánh kinh phí để triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

6. Sửa đổi, bổ sung mã Mục, Tiêu mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC như sau:

a) Bổ sung Tiêu mục 1058 “Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu” thuộc Mục 1050 “Thuế thu nhập doanh nghiệp”.

b) Sửa tên Mục và bổ sung Tiêu mục thuộc Mục 1250 “Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, vùng trời, vùng biển”.

- Sửa tên Mục 1250 “Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, vùng trời, vùng biển” thành “Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên”.

- Bổ sung Tiêu mục 1259 “Thu tiền đấu giá biển số xe ô tô”.

- Bổ sung Tiêu mục 1261 “Thu tiền cấp quyền sử dụng kho số viễn thông, tài nguyên Internet, phổ tần số vô tuyến điện, quỹ đạo vệ tinh”.

c) Sửa tên Tiêu mục 2352 “Phí duy trì sử dụng tên miền và địa chỉ Internet” thành “Phí duy trì sử dụng tài nguyên Internet” thuộc Mục 2350 “Phí thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông”.

d) Sửa tên và bổ sung Tiêu mục thuộc Mục 2600 “Phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường”.

- Sửa tên Tiêu mục 2618 “Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải” thành “Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải”.

- Bổ sung Tiêu mục 2622 “Phí bảo vệ môi trường đối với khí thải”.

- Sửa tên Tiêu mục 2634 “Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung” thành “Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung”.

đ) Sửa tên Tiêu mục 2865 “Lệ phí phân bổ kho số viễn thông, tài nguyên Internet” thành “Lệ phí phân bổ kho số viễn thông, phân bổ, cấp tài nguyên Internet” thuộc Mục 2850 “Lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến sản xuất, kinh doanh”.

e) Sửa tên và bổ sung các Tiêu mục thuộc Mục 3650 “Thu từ tài sản Nhà nước giao các tổ chức kinh tế” như sau:

- Sửa tên Tiêu mục 3653 “Thu hồi vốn của Nhà nước” thành “Thu hồi vốn của Nhà nước từ cổ phần hóa”.

- Bổ sung Tiêu mục 3655 “Thu hồi vốn của Nhà nước từ chuyển nhượng vốn nhà nước”.

- Bổ sung Tiêu mục 3656 “Thu hồi vốn của Nhà nước từ sắp xếp lại doanh nghiệp theo hình thức khác”.

f) Bổ sung Mục và Tiêu mục “Thu từ các khoản tăng thu so với dự toán được giao ” như sau:

- Mục 4760 “Thu từ các khoản tăng thu của dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách”.

- Tiêu mục 4761 “Thu từ các khoản tăng thu của dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách”.

g) Sửa tên và hủy bỏ các Tiêu mục thuộc Mục 8900 “Hỗ trợ hoạt động tín dụng Nhà nước”.

- Sửa tên Tiêu mục 8901 “Cấp bù chênh lệch lãi suất” thành “Cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý”.

- Hủy bỏ Tiêu mục 8902 “Cấp phí quản lý”.

h) Sửa đổi, bổ sung các Tiêu mục thuộc các Mục liên quan đến khoản vay trong nước của ngân sách nhà nước.

- Bổ sung các Tiêu mục thuộc Mục “Vay và trả nợ gốc vay trong nước của ngân sách nhà nước” và Mục “Trả lãi tiền vay trong nước của ngân sách nhà nước”:

+ Bổ sung Tiêu mục 0838 “Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam” thuộc Mục 0820 “Vay và trả nợ gốc vay trong nước của ngân sách nhà nước”.

+ Bổ sung Tiêu mục 8305 “Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam” thuộc Mục 8300 “Trả lãi tiền vay trong nước của ngân sách nhà nước”.

- Sửa đổi, bổ sung các Tiêu mục thuộc Mục “Trả các khoản phí và chi phí liên quan đến các khoản vay trong nước”:

+ Bổ sung Tiêu mục 8562 “Các khoản phí và chi phí khác liên quan đến khoản vay về cho vay lại”.

+ Bổ sung Tiêu mục 8563 “Các khoản phí và chi phí liên quan đến khoản Vay phát hành trái phiếu chính quyền địa phương”.

+ Bổ sung Tiêu mục 8564 “Các khoản phí và chi phí liên quan đến khoản Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam”.

7. Sửa đổi điểm a và điểm e khoản 4 Điều 1 Thông tư số 93/2019/TT-BTC

a) Sửa tên Tiêu mục 1413 “Thu tiền sử dụng đất các dự án trọng điểm khác” thành “Thu tiền sử dụng đất các dự án quan trọng quốc gia khác” thuộc Mục 1400 “Thu tiền sử dụng đất”.

b) Sửa tên Tiêu mục 3612 “Tiền thuê đất các dự án trọng điểm khác” thành “Tiền thuê đất các dự án quan trọng quốc gia khác” thuộc Mục 3600 “Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trực thuộc và cấp dưới thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn cụ thể. /

Nơi nhận:

- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Cơ quan TW các đoàn thể;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở TC, Cục Thuế, Cục Hải quan, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Công báo;
- Website Chính phủ và Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KBNN (280 bản). u

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Văn Khăng